

Bản án số: 519/2021/HC-PT
Ngày 23 – 12 – 2021
V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Từu.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên.

Ông Lê Thành Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại phòng xét xử số 5 trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 562/2020/TLPT-HC ngày 27 tháng 10 năm 2020, về việc “khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 34/2020/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4212/2020/QĐPT-HC ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trương Bình Kh, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL, thành phố BR.

Địa chỉ: Tỉnh lộ 52, ấp Đ, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thế H – Phó Chủ tịch UBND xã HL (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố BR.

Địa chỉ: Số 137, đường 27/4, phường PH, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa –

Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

1. Ông Trần Hữu Ngh – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố BR (có mặt);

2. Bà Mã Thị Cẩm V – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố BR (có mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: 01 PVD, phường PT, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, (xin xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

1. Ông Phan Văn M - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Hồ Việt Phước Th - Chuyên viên Chi cục quản lý đất đai (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị M1, sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có mặt.

Người đại diện ủy quyền của bà M1:

1. Bà Nguyễn Thị Lang, sinh năm 1959, cư trú tại: số 310/10A đường số 5, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (giấy ủy quyền ngày 01/6/2021, có mặt).

2. Ông Trương Bình Kh, sinh năm 1955 (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Huỳnh Trọng Ngh1, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 17, ấp PH, xã LP, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 3, đường 38, ấp T, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Bà Phan Thị Ph, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Nam, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

4. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Bình Kh là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, người khởi kiện trình bày: Ngày 8/3/2016 UBND xã HL phối hợp với phòng Tài nguyên và môi trường; đội trật tự đô thị thành phố BR lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông (bà) Trương Bình Kh, cư ngụ tổ 9 ấp T xã HL, đã có hành vi vi phạm hành chính sau:

“Chiếm đất do Nhà nước trực tiếp quản lý.

Diện tích bị chiếm: 2.925m².

Hiện trạng trồng cỏ với diện tích khoảng 1.800m².

01 Chòi tạm: 5m x 5m = 25m² cột gỗ, mái tole, vách nilông.

Phần đất bị lấn chiếm thuộc 01 phần thửa 400, tờ bản đồ 44.”

Ngày 11/3/2016, Chủ tịch UBND xã HL ban hành Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trương Bình Kh, phạt tiền 2.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

Không đồng ý với quyết định xử phạt, ông Kh khiếu nại.

Ngày 30/3/2017, UBND xã HL ban hành Công văn số 77/UBND-VP trả lời khiếu nại.

Cùng ngày 29/6/2017, UBND xã HL ban hành Quyết định số 227/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định 69/QĐ-XPVPHC ngày 11/3/2016 và ban hành Quyết định 228/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Công văn số 77/UBND-VP ngày 30/3/2017 do các văn bản này không phù hợp pháp luật.

Ngày 21/8/2017, Chủ tịch UBND thành phố BR ban hành Quyết định số 126/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính của ông (bà) Trương Bình Kh. Trong đó, biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện gồm: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm; buộc trả lại đất đã chiếm.

Ngày 14/11/2017, UBND xã HL có Báo cáo số 388/BC-UBND về việc vận động ông (bà) Trương Bình Kh thực hiện theo Quyết định khắc phục hậu quả số 126/QĐ-KPHQ ngày 21/8/2017 của UBND thành phố BR, với nội dung: *“Ngày 23/8/2017 UBND xã HL tổ chức trao Quyết định số 126/QĐ-KPHQ, hộ ông (bà) Trương Bình Kh đồng ý nhận Quyết định nhưng vẫn chưa chấp hành thực hiện. UBND xã HL đã tiến hành vận động ông (bà) Trương Bình Kh vào các ngày 13/9/2017, 25/10/2017 và 03/11/2017 nhưng ông Kh vẫn không đồng ý thực hiện Quyết định”.*

Ngày 21/12/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố BR có Báo cáo số 342/BC-TNMT về việc kiến nghị UBND thành phố BR ban hành Quyết

định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính của ông (bà) Trương Bình Kh.

Ngày 27/12/2017, UBND thành phố BR ban hành Quyết định số 186/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Không đồng ý với Quyết định 186/QĐ-CCXP, ngày 22/3/2018 ông Trương Bình Kh có Đơn khiếu nại.

Ngày 09/7/2018, Chủ tịch UBND thành phố BR ban hành Quyết định số 3016/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, với nội dung bác nội dung theo đơn khiếu nại của ông Trương Bình Kh, bà Lê Thị M1.

Không đồng ý quyết định này, ông Kh có Đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 07/12/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 3495/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Bình Kh (lần hai), với nội dung: *“Bác đơn của ông Trương Bình Kh khiếu nại Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố BR; Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3016/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố BR là đúng; Yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố BR, ông Trương Bình Kh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tiếp tục thực hiện Quyết định 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố BR”*.

Không đồng ý, ông Kh khởi kiện tại Tòa án.

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp trình bày:

Ông Trương Bình Kh là thương binh chống Mỹ cứu nước. Sau năm 1975, ông xuất ngũ về lại địa phương. Năm 1988 ông cùng một số hộ dân ra canh tác tại khu đất thửa 400, tờ bản đồ 44 diện tích 92.846,9m² tại ấp T, xã HL. Đến ngày 14/10/1998 cán bộ xã HL thu thuế sử dụng đất tại quyền số 218, số 014015 Chi cục thuế Bà Rịa. Ngày 2/4/2000 ông đóng góp một khoản tiền gọi là đóng góp nông sản Quyền số 433, số 021603 của Sở tài chính vật giá tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Năm 2004 ông nuôi gia cầm, thủy cầm, do dịch cúm nên bị tiêu hủy 2000 con gia cầm, thủy cầm và 5000 quả trứng.

Từ năm 1988, ông đã chăn nuôi và canh tác ổn định trên đất. Đến ngày 11/3/2016 thì UBND xã HL ban hành Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC xử phạt 2.000.000 đồng và cho máy ra cày xới làm hư hại tài sản của ông gồm 1800m² cỏ voi, 1.100 cây bạch đàn trên diện tích 2.925m².

Ông khiếu nại thì được UBND xã HL trả lời tại Công văn số 77/UBND-VP ngày 30/3/2017, xác định thửa đất 400, tờ bản đồ 44, diện tích 92.846,9m² tọa lạc tại ấp T xã HL là khu vực đất công do UBND xã quản lý từ trước năm 1975 đến nay.

Ngày 27/12/2017, UBND thành phố BR ban hành Quyết định số 186/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Sau đó cưỡng chế phá hoại tài sản của ông.

Ông Khiếu nại nhiều cấp nhưng chưa được giải quyết thỏa đáng.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định:

- Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC ngày 11/03/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL, thành phố BR.

- Công văn số 77/UBND-VP ngày 30/03/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL, thành phố BR.

- Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố BR.

- Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 9/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố BR.

- Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 7/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa ngày 24/4/2020, ông Kh bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị hủy Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố BR.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND xã HL có văn bản ý kiến trình bày:

Cùng ngày 29/6/2017, UBND xã HL ban hành Quyết định số 227/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định 69/QĐ-XPVPHC ngày 11/3/2016 và ban hành Quyết định 228/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Công văn số 77/UBND-VP ngày 30/3/2017 do các văn bản này không phù hợp pháp luật.

Ông Kh đề nghị hủy Quyết định 69/QĐ-XPVPHC và 77/UBND-VP ngày 30/3/2017 là không có cơ sở do đối tượng khởi kiện không còn.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố BR có văn bản ý kiến trình bày:

Thửa đất số 400, tờ bản đồ số 44 theo sổ mục kê năm 2002 (sổ mục kê năm 1999 gồm các thửa đất: 570, 594, 595, 708 tờ bản đồ số 38 đo đạc năm 1992) diện tích 92.846,9m², tọa lạc tại ấp T, xã HL có nguồn gốc là đất do UBND xã HL trực tiếp quản lý.

Toàn bộ diện tích đất trên trong sổ mục kê năm 1999 và sổ mục kê năm 2002 đều thể hiện là đất được đăng ký kê khai cho UBND xã HL quản lý. Trong diện tích đất trên hiện có 04 hộ dân bao chiếm đất công để ở và sản xuất (có ông (bà) Trương Bình Kh).

Khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo vẽ thực hiện việc đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất vào các năm 1992 và đo vẽ lại năm 2002 đối với

phần đất này thì hộ gia đình ông Trương Bình Kh không có hồ sơ đăng ký kê khai.

Đặc điểm thửa đất số 400 nêu trên là vùng trũng, vào mùa mưa thì ngập nước nên có một số hộ dân gần khu vực này đến đây nuôi vịt, thả cá trong mùa mưa hàng năm, trong đó có ông (bà) Trương Bình Kh, đến hết mùa mưa thì các hộ này lại về nhà không ở lại khu vực đất này.

Từ mùa mưa năm 2015 vợ chồng ông Trương Bình Kh và các con khi hết mùa mưa không tự tháo dỡ chòi tạm để trở về nhà mình sinh sống mà tiếp tục ở lại trên khu đất này.

Theo nội dung biên bản làm việc ngày 23/3/2015 của UBND xã HL với ông (bà) Trương Bình Kh về việc xử lý việc lấn chiếm đất công. Tại buổi làm việc ông Kh - bà M1 xác nhận: *“Tôi công nhận phần đất Tôi đang xây dựng chòi tạm và trồng cây tràm, trồng cỏ là đất của Nhà nước, Tôi không cố ý lấn chiếm. Vì không có nơi trồng trọt canh tác nên Tôi xin mượn tạm để trồng cỏ nuôi bò. Khi nào Nhà nước có chủ trương thu hồi thì Tôi và gia đình sẵn sàng trả lại đất cho Nhà nước, tháo dỡ các công trình cây trồng trên đất không đòi hỗ trợ, bồi thường”*. Tại buổi làm việc hộ ông Trương Bình Kh đã đồng ý ký tên vào biên bản.

Theo nội dung biên bản làm việc ngày 18/2/2016 của UBND xã HL với ông (bà) Trương Bình Kh về việc xử lý việc lấn chiếm đất công, buộc ông Kh trả lại hiện trạng ban đầu trên thửa đất, tháo dỡ chòi tạm và nhổ cây trồng trên đất công do Nhà nước quản lý. Tại buổi làm việc ông Kh - bà M1 xác nhận: *“Đây là đất của Nhà nước, Tôi chấp nhận tháo dỡ chòi tạm và chặt toàn bộ cây trồng trên đất nếu các hộ canh tác trên phần đất công đều phải tháo dỡ. Nếu Nhà nước cho thuê Tôi sẵn sàng thuê, Tôi chỉ canh tác trên đất chứ không chiếm đất của Nhà nước, khi Nhà nước có chủ trương thu hồi thì Tôi sẵn sàng trả lại đất cho Nhà nước”*. Tại buổi làm việc hộ ông Trương Bình Kh đã đồng ý ký tên vào biên bản.

Ngày 8/3/2016 UBND xã HL phối hợp với phòng Tài nguyên và môi trường; đội trật tự đô thị thành phố BR lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông (bà) Trương Bình Kh, cư ngụ tổ 9 ấp T xã HL, đã có hành vi vi phạm hành chính sau:

“Chiếm đất do Nhà nước trực tiếp quản lý.

Diện tích bị chiếm: 2.925m².

Hiện trạng trồng cỏ với diện tích khoảng 1.800m².

01 Chòi tạm: 5m x 5m = 25m² cột gỗ, mái tole, vách nilông.

Phần đất bị lấn chiếm thuộc 01 phần thửa 400, tờ bản đồ 44.”

Theo nội dung biên bản làm việc ngày 18/5/2016 của UBND xã HL với ông (bà) Trương Bình Kh – Lê Thị M1 về việc giải quyết việc trồng cây lấn

chiếm đất công, đề nghị ông Kh – bà M1 chặt số cây trồng trên đất, trả lại hiện trạng ban đầu. Tại buổi làm việc ông Kh - bà M1 xác nhận: *“Tôi không lấn chiếm đất công chỉ mượn tạm để làm ăn sinh sống, khi Nhà nước có chủ trương thu hồi đất Tôi sẽ trả lại cho Nhà nước không đòi bồi thường. Tôi đồng ý chặt cây trồng trên đất”*. Tại buổi làm việc hộ ông Trương Bình Kh đã đồng ý ký tên vào biên bản.

Ngày 15/11/2016, UBND xã HL mời hộ ông (bà) Trương Bình Kh – Lê Thị M1 làm việc đối với việc trồng cây trên đất do nhà nước quản lý. Tại buổi làm việc ông Kh ý kiến: *“Tôi đồng ý thừa đất tôi đang canh tác là đất của Nhà nước, tôi không có ý lấn chiếm, tôi chỉ mượn tạm để canh tác, sinh sống, đề nghị khi xử lý tôi thì xử lý các hộ xung quanh tôi. Khi Nhà nước thu hồi đất tôi sẽ trả lại đất cho Nhà nước, không đòi bồi thường”*. Tại buổi làm việc hộ ông Trương Bình Kh đã đồng ý ký tên vào biên bản.

Qua các lần làm việc ông (bà) Trương Bình Kh thừa nhận phần diện tích ông (bà) Khiêm đang canh tác tọa lạc tại ấp T xã HL thuộc thửa đất số 400, tờ bản đồ số 44 đo đạc năm 2002 là đất công và đồng ý chặt cây trồng trên đất. Tuy nhiên ông (bà) Trương Bình Kh vẫn không thực hiện đúng theo nội dung đã ghi nhận qua các lần làm việc.

Ngày 21/8/2017, Chủ tịch UBND thành phố BR ban hành Quyết định số 126/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính của ông (bà) Trương Bình Kh. Trong đó, biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện gồm: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm; Buộc trả lại đất đã chiếm. Thời gian thực hiện việc khắc phục hậu quả là 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Ngày 14/11/2017, UBND xã HL có Báo cáo số 388/BC-UBND về việc vận động ông (bà) Trương Bình Kh thực hiện theo Quyết định khắc phục hậu quả số 126/QĐ-KPHQ ngày 21/8/2017 của UBND thành phố BR, với nội dung: *“Ngày 23/8/2017 UBND xã HL tổ chức trao Quyết định số 126/QĐ-KPHQ, hộ ông (bà) Trương Bình Kh đồng ý nhận Quyết định nhưng vẫn chưa chấp hành thực hiện. UBND xã HL đã tiến hành vận động ông (bà) Trương Bình Kh vào các ngày 13/9/2017, 25/10/2017 và 03/11/2017 nhưng ông Kh vẫn không đồng ý thực hiện Quyết định”*.

Ngày 21/12/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố BR có Báo cáo số 342/BC-TNMT về việc kiến nghị UBND thành phố BR ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính của ông (bà) Trương Bình Kh.

Ngày 27/12/2017, UBND thành phố BR ban hành Quyết định số 186/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Không đồng ý với Quyết định 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 của UBND thành phố BR, ngày 22/3/2018, ông (bà) Trương Bình Kh có Đơn khiếu nại gửi UBND thành phố xem xét, giải quyết.

Đến ngày 09/7/2018, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3016/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Bình Kh, với nội dung: *“Bác nội dung theo đơn khiếu nại ngày 22/3/2018 của ông Trương Bình Kh, bà Lê Thị May địa chỉ tại tổ 9, ấp T, xã HL, thành phố BR về việc khiếu nại Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố BR về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”*.

Cơ sở pháp lý Chủ tịch UBND thành phố BR ban hành Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 và Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 09/7/2018:

Từ kết quả rà soát hồ sơ địa chính và hồ sơ có liên quan cho thấy diện tích 2.925,0m² ông Trương Bình Kh bị xử lý vi phạm hành chính thuộc một phần thửa số 400/92.846,9m² tờ bản đồ số 44, xã HL có nguồn gốc do UBND xã đang quản lý. Trên cơ sở Biên bản vi phạm hành chính do UBND xã HL lập ngày 08/3/2016; Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính của ông Trương Bình Kh; Các biên bản làm việc ngày 23/8/2017, 13/9/2017, 25/10/2017 và 03/11/2017 của UBND xã HL về vận động ông Kh chấp hành Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 21/8/2017 và căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì việc Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ đơn khiếu nại đề ngày 22/3/2018 của ông Trương Bình Kh và bà Lê Thị M1, kết quả buổi làm việc ngày 12/4/2018 với Thanh tra thành phố. Đồng thời, trên cơ sở Báo cáo số 67/BC-TTr ngày 18/5/2018 của Thanh tra thành phố về báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại của ông Trương Bình Kh và kết quả buổi đối thoại ngày 26/6/2018, việc Chủ tịch UBND thành phố BR ban hành Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Bình Kh và bà Lê Thị M1 (lần đầu) là đúng quy định về thẩm quyền và trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính của Luật Khiếu nại 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Thông tư 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013.

Quan điểm của UBND thành phố đối với nội dung khởi kiện của ông Trương Bình Kh:

Từ những cơ sở nêu trên, căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, UBND thành phố BR đề nghị Tòa tuyên xử theo hướng bác nội dung khởi kiện của ông Trương Bình Kh về yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 và Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố BR.

Đối với nội dung ông Kh khởi kiện yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC ngày 11/3/2016 và Công văn số 77/UBND-VP ngày 30/3/2017 của UBND xã HL, căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 UBND thành phố đề nghị Tòa thông báo đến ông Kh được biết để rút lại nội dung khởi kiện, đồng thời đề nghị Tòa ban hành Quyết định đình chỉ đối với nội dung khởi kiện này của ông Kh theo quy định, vì lý do: Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC ngày 11/3/2016 và Công văn số 77/UBND-VP ngày 30/3/2017 của UBND xã HL đã bị thu hồi, hủy bỏ tại các Quyết định 227/QĐ-UBND và 228/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND xã HL.

Diện tích 2.925,0m² ông Trương Bình Khiêm bị xử lý vi phạm hành chính thuộc một phần thửa số 400/92.846,9m² tờ bản đồ số 44 xã HL có nguồn gốc do UBND xã đang quản lý. Trên cơ sở Biên bản vi phạm hành chính do UBND xã HL lập ngày 08/3/2016; căn cứ khoản 2 Điều 31 Nghị Định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì việc Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 21/8/2017 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định pháp luật.

Quyết định số 126/QĐ-KPHQ được ban hành ngày 21/8/2017, nhưng đến ngày 24/4/2020 tại phiên tòa, ông Kh mới có yêu cầu khởi kiện bổ sung. Căn cứ Điều 116 và điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng Hành chính, đề nghị Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Kh về khởi kiện Quyết định số 126/QĐ-KPHQ vì lý do hết thời hiệu khởi kiện.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có văn bản ý kiến trình bày:

Ngày 27/12/2017, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố BR ban hành quyết định số 186/QĐ-CCXP về việc buộc gia đình ông Trương Bình Kh tháo dỡ chòi tạm và cây trồng trên phần diện tích 2.925m² đất thuộc thửa 400/92.846,9m² tờ bản đồ số 44 xã HL.

Ông Trương Bình Kh có đơn khiếu nại quyết định trên của Chủ tịch UBND thành phố BR. Ngày 09/7/2018, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố BR ban hành quyết định số 3016/QĐ-UBND bác nội dung khiếu nại của ông Trương Bình Kh và bà Lê Thị M1 khiếu nại Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố BR.

Không đồng ý với quyết định, ông Trương Bình Kh bà Lê Thị Mai tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ khoản 2 Điều

21 và khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định giải quyết khiếu nại lần hai số 3495/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hình thức mà pháp luật quy định.

Tính có căn cứ của Quyết định 3495/QĐ-UBND:

Theo sổ mục kê năm 1999 và năm 2008 xã HL thì khu đất trên thuộc đất công do UBND xã HL đứng tên chủ sử dụng đất và quản lý.

Việc ông Kh cho rằng nguồn gốc khu đất là do gia đình ông khai phá từ năm 1988 là không có cơ sở, vì ông Kh không kê khai đăng ký, không thực hiện nghĩa vụ tài chính và không cung cấp được giấy tờ pháp lý chứng minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất.

Quá trình làm việc với UBND xã HL, ông Kh bà M1 thừa nhận: Do không có đất canh tác nên gia đình ông “mượn tạm” để trồng cỏ, trồng Tràm, nuôi bò và dựng chòi tạm; khi Nhà nước thu hồi thì gia đình ông Kh tháo dỡ công trình, tài sản trên đất và trả lại đất mà không đòi bồi thường, hỗ trợ (thể hiện tại biên bản làm việc của UBND xã HL các ngày 23/3/2015, 18/02/2016, 8/3/2016, 15/11/2016).

Ngày 04/10/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức đối thoại (lần 2) với ông Kh, mặc dù đã được giải thích các quy định pháp luật liên quan nhưng ông Kh không đồng ý nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ việc.

Như vậy, diện tích 2.925m² thuộc thửa đất 400, tờ bản đồ số 44 xã HL là đất nhà nước, ông Kh và bà M1 là người chiếm dụng đất. Việc Chủ tịch UBND thành phố BR ban hành Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 và Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 28, Điều 29, Điều 66 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 33 Nghị định số 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ thì việc ông Trương Bình Kh, bà Lê Thị M1 khiếu nại Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 và Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố BR là không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đình Khiêm đối với quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bổ sung của ông Trương Bình Kh do hết thời hiệu khởi kiện.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm:* Người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút yêu cầu hủy Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC ngày 11/03/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL và Công văn số 77/UBND-VP ngày

30/03/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL, thành phố BR.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 34/2020/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 58, Điều 65, Điều 66, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 2 Điều 3, khoản 5 Điều 10, Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về đất đai; Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Bình Kh yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố BR.

- Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 9/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố BR.

- Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 7/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố BR.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trương Bình Kh yêu cầu hủy Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC ngày 11/03/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL và Công văn số 77/UBND-VP ngày 30/03/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL, thành phố BR; về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 người khởi kiện ông Trương Bình Kh có đơn kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 34/2020/HC-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Lý do kháng cáo: Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Bình Kh đối với người khai hoang phục hóa đất là không phù hợp với quy định của Luật đất đai năm 1993 và 2013.

Vì thế ông Kh kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh. Do: Phần đất diện tích 2.925,0m² ông Kh bị xử lý vi phạm hành chính thuộc một phần thửa số 400/92.846,9m² tờ bản đồ số 44 xã HL có nguồn gốc là do ông Kh khai hoang, phục hóa từ năm 1988 sau khi ông Kh tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị thương và xuất ngũ sau

năm 1975. Ông Kh khai hoang và sử dụng phần đất 2.925,0m² từ năm 1988 đến năm 1992 ông Kh đã nộp giấy tờ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã là ông Trần Tiến Thành, quá trình sử dụng từ năm 1988 đến ngày 14/10/1998 cán bộ xã HL thu thuế sử dụng đất tại Quyền số 281 số 014015, Chi cục thuế Bà Rịa, đơn vị thu xã HL, ngày 02/4/2000 ông Kh có đóng góp 01 khoản tiền được gọi là đóng góp nông sản Quyền số 433, số 021603 của Sở Tài chính Vật giá tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tại thửa đất 400, tờ bản đồ số 44 năm 2004 ông Kh nuôi gia cầm, thủy cầm, do dịch cúm nên ông Kh bị tiêu hủy trên 2000 con gia cầm và 5000 quả trứng; ông Kh sử dụng đất có người làm chứng xác định cụ thể; cây bạch đàn do ông Kh trồng trên đất có chiều cao 30m, đường kính 1,3m, nên ông Kh ông phải là người lấn chiếm đất mà là người khai hoang, phục hóa đất và sử dụng đất ổn định không tranh chấp từ năm 1988, nên ngày 08/3/2016 Ủy ban nhân dân xã HL lập biên bản vi phạm hành chính cho rằng ông Kh chiếm đất do Nhà nước trực tiếp quản lý là không đúng.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Văn Đ tại BL230 ngày 07/8/2020 và tại xác nhận ngày 22/5/2021, ông Đ trình bày:* Từ năm 1988 tôi là Bộ đội thường trực ở Huyện đội huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai bản thân tôi có thường xuyên đến nơi sản xuất của anh Trương Bình Kh tại Gò cát, ấp T, xã HL từ năm 1988. Đến năm 1989 tôi được phục viên về ở ấp T, năm 1990 tôi làm Chi hội trưởng Nông dân ấp T đến năm 1993 tôi được bầu làm Bí thư Chi bộ ấp T kiêm Trưởng Ban điều hành ấp T đến năm 2012 tôi nghỉ và làm Chi hội trưởng cựu chiến binh ấp T cho đến nay. Nên tôi biết rất rõ về đất của ông Kh sử dụng không có ai tranh chấp từ khi tôi biết cho đến nay.

- *Người làm chứng ông Huỳnh Trọng Nghi tại xác nhận ngày 22/5/2021 trình bày:* Trước đây tôi làm tập đoàn trưởng ấp T, xã HL tôi xác nhận ông Trương Bình Kh, bà M1 canh tác mảnh đất này thửa đất số 400, tờ bản đồ số 44 từ năm 1988 cho đến nay ổn định, vì đất này giáp ranh với đất của tôi từ năm 1988 đến nay không có ai tranh chấp.

- *Người làm chứng bà Phan Thị Minh Phượng tại xác nhận ngày 22/5/2021 trình bày:* Ông Trương Bình Khiêm và bà M1 có sử dụng canh tác ổn định mảnh đất thửa 400 tờ bản đồ số 44 từ năm 1988 cho đến nay không tranh chấp.

- *Tại Bản cam kết ngày 26/5/2021 người làm chứng ông Đặng Văn T, trình bày:* Trước đây tôi là Trưởng ban thuế Nông nghiệp xã HL, hằng năm tôi có thu thuế đất sản xuất nông nghiệp.

Nay tôi làm đơn này xin cam kết có thu thuế của ông Trương Bình Kh vào ngày 15/10/1997 theo Tờ khai của chủ sử dụng đất nay thuộc thửa 400, tờ bản đồ số 44 là đúng sự thật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- *Người kháng cáo:* Ông Kh do bà Lang đại diện vẫn giữ nguyên lý do và

yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo ngày 07/8/2020, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ do ông Kh cung cấp tại cấp phúc thẩm là xác nhận của ông Đặng Văn T nguyên Trưởng ban thuế Nông nghiệp xã HL và các lời trình bày bổ sung của người làm chứng Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Trọng Ngh1, Phan Thị Minh Phượng như nêu trên, do đất là của ông Kh bà M1 tự khai phá sử dụng ổn định từ năm 1988 đến nay không ai tranh chấp, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Kh, sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Kh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Thịnh, trình bày: Bảo lưu trình bày và quan điểm của người bị kiện tại cấp sơ thẩm, do ông Kh trình bày canh tác đất từ năm 1988 đến khi bị cưỡng chế năm 2018 nhưng ông Kh không có chứng cứ chứng minh, Biên lai thu thuế là thể hiện phần ông Kh nộp thuế thửa đất hiện có nhà ông Kh đang ở chứ không phải thửa đất bị cưỡng chế, lời trình bày của những người làm chứng là không đủ cơ sở chấp nhận, trong khi các Biên bản vi phạm ông Kh, bà M1 đều thừa nhận đất ông đang canh tác là đất công do Nhà nước quản lý. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Kh, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Khi xét xử Tòa sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện tài liệu chứng cứ và quyết định của Tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Kh giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thủ tục:

[1] Tòa sơ thẩm xét xử ngày 30 tháng 7 năm 2020 đến ngày 07 tháng 8 năm 2020 ông Kh có đơn kháng cáo nên kháng cáo của ông Kh là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015; người không kháng nhưng có liên quan đến kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính Tòa xét xử vắng mặt họ.

[2] Về xác định đối tượng khởi kiện; thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện.

Tòa sơ thẩm xác định đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 3, 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố BR áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trương Bình Kh là

Quyết định hành chính có liên quan đến các quyết định hành chính bị khởi kiện. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính, Tòa sơ thẩm xem xét cả tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định 126/QĐ-KPHQ mà không phụ thuộc vào thời hiệu khởi kiện là đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện rút yêu cầu hủy Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC ngày 11/03/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL, thành phố BR, Công văn số 77/UBND-VP ngày 30/03/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL, thành phố BR. Nên Tòa sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người khởi kiện đã rút là đúng quy định khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng Hành chính.

Về nội dung: Đối với kháng cáo của ông Kh, xét:

[1] Theo các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

[1.1] Về lời khai của những người làm chứng: Người làm chứng ông Nguyễn Văn Đ khai: Từ năm 1988 tôi là Bộ đội thường trực ở Huyện đội huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai bản thân tôi có thường xuyên đến nơi sản xuất của anh Trương Bình Kh tại Gò cát, ấp T, xã HL từ năm 1988. Đến năm 1989 tôi được phục viên về ở ấp T, năm 1990 tôi làm Chi hội trưởng Nông dân ấp T đến năm 1993 tôi được bầu làm Bí thư Chi bộ ấp T kiêm Trưởng Ban điều hành ấp T đến năm 2012 tôi nghỉ và chuyển sang làm Chi hội trưởng Cựu chiến binh ấp T cho đến nay. Nên tôi biết rất rõ về đất của ông Kh sử dụng không có ai tranh chấp từ khi tôi biết cho đến nay; Người làm chứng ông Huỳnh Trọng Ngh1, khai: Trước đây tôi làm tập đoàn trưởng ấp T, xã HL tôi xác nhận ông Trương Bình Kh, bà M1 canh tác mảnh đất này thửa đất số 400, tờ bản đồ số 44 từ năm 1988 cho đến nay ổn định, vì đất này giáp ranh với đất của tôi từ năm 1988 đến nay không có ai tranh chấp; Người làm chứng bà Phan Thị Minh Phụng, khai: Ông Trương Bình Khiêm và bà M1 có sử dụng canh tác ổn định mảnh đất thửa 400 tờ bản đồ số 44 từ năm 1988 cho đến nay không tranh chấp; Tại Bản cam kết ngày 26/5/2021 người làm chứng ông Đặng Văn T, trình bày: Trước đây tôi là Trưởng ban thuế Nông nghiệp xã HL, hằng năm tôi có thu thuế đất sản xuất nông nghiệp. Nay tôi làm đơn này xin cam kết có thu thuế của ông Trương Bình Kh vào ngày 15/10/1997 theo Tờ khai của chủ sử dụng đất nay thuộc thửa 400, tờ bản đồ số 44 là đúng sự thật.

- Với các lời khai của những người làm chứng nêu trên đối chiếu quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất* là việc Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất ổn định mà không có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với thửa đất xác định”. Tại Điều 21 (Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Ngày 15/4/2014 của Chính phủ. Quy định chi tiết thi hành

một số điều của Luật đất đai) quy định về: Căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định: 1. Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận).

2. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định căn cứ vào thời gian và nội dung có liên quan đến mục đích sử dụng đất ghi trên một trong các giấy tờ sau đây:

a) Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất.

Khoản 4. Điều 21 Nghị định số 43/2014 còn quy định: 4. Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất.

Với các quy định, thì hộ ông Trương Bình Kh, bà Lê Thị M1 đã sử dụng phần đất 2.925m² thuộc một phần thửa đất 400 tờ bản đồ 44, ấp T, xã HL ổn định liên tục từ năm 1988 đến ngày bị lập biên bản vi phạm hành chính ngày 08/3/2016 với cùng một mục đích là sản xuất nông nghiệp: Thả cá, nuôi vịt, trồng cỏ nuôi bò...không ai tranh chấp và việc sử dụng đất ổn định liên tục của ông Kh bà M1 được những người làm chứng nêu trên xác nhận và người bị kiện thừa nhận với nội dung: Đặc điểm thửa đất số 400 nêu trên là vùng trũng, vào mùa mưa thì ngập nước nên có một số hộ dân gần khu vực này đến đây nuôi vịt, thả cá trong mùa mưa hàng năm, trong đó có ông (bà) Trương Bình Kh, đến hết mùa mưa thì các hộ này lại về nhà không ở lại khu vực đất này. Từ mùa mưa năm 2015 vợ chồng ông Trương Bình Kh và các con khi hết mùa mưa không tự tháo dỡ chòi tạm để trở về nhà mình sinh sống mà tiếp tục ở lại trên khu đất này.

Đồng thời, quá trình sử dụng đất ông Trương Bình Kh có nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp diện tích 2.925m² (thuộc một phần thửa 400 tờ bản đồ số 44) theo Biên lai thu số 0141 ngày 15/10/1997 do ông Đặng Văn T ký thu và ông Đặng Văn T có Bản cam kết thừa nhận như vừa nêu trên. Cho nên, theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ thì việc

sử dụng đất của hộ ông Kh bà M1 là ổn định, liên tục, không tranh chấp từ năm 1988 đến ngày bị lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 08/3/2016.

[1.2] Về quá trình quản lý đất của UBND xã HL, hồ sơ thể hiện:

- Tại Quyết định số 126/ QĐ-KPHQ ngày 21/8/2017 (BL58) của Chủ tịch UBND thành phố BR. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (BL58) nêu: Điều 1: Ông Trương Bình Kh, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã HL, thành phố BR. Phải thực hiện khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính cụ thể là chiếm đất do Nhà nước trực tiếp quản lý đối với diện tích 2.925m² thuộc một phần thửa 400/92.846,9m², tờ bản đồ số 44, xã HL, thành phố BR...

- Tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 (BL61) của Chủ tịch UBND thành phố BR. Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, nêu: Ông Trương Bình Kh dựng chòi tạm và trồng cây trên đất có nguồn gốc do Nhà nước quản lý đối với diện tích 2.925m² thuộc một phần thửa 400/92.846,9m², tờ bản đồ số 44 xã HL,...

- Tại văn bản số 12/UBND-VP ngày 02/01/2010 (*ngày 02/01/2020 nhưng Văn bản ghi 2010, BL 83-86*), Văn bản số 4516/UBND-VP ngày 15/6/2020 cùng của UBND thành phố BR (BL166); Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố BR. Về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Bình Kh và bà Lê Thị M1 (BL71), Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Bình Kh (BL 73).

Các Quyết định và các văn bản nêu trên đều xác định: Nguồn gốc phần đất diện tích 2.925m² ông Trương Bình Kh và bà Lê Thị M1 đang quản lý, sử dụng là có nguồn gốc từ một phần thửa đất số 400 tờ bản đồ số 44 diện tích 92.846,9m² theo sổ mục kê năm 2002 (sổ mục kê năm 1999 gồm các thửa đất: 570, 594, 595, 708 tờ bản đồ số 38 đo đạc năm 1992) tọa lạc tại ấp T, xã HL có nguồn gốc là đất do UBND xã HL trực tiếp quản lý.

- Tuy nhiên, theo Công văn số 684/UBND-VP ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thì: Theo sổ mục kê năm 1999 và năm 2008 xã HL thì khu đất thửa 400 tờ bản đồ số 44 do UBND xã HL đứng tên chủ sử dụng và quản lý (BL117).

* Qua đối chiếu “Sổ mục kê đất” do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp kèm theo Công văn số 684/UBND-VP ngày 03/02/2020 thể hiện:

1/ Theo “Sổ mục kê đất” - Mẫu số: 2, Quyển số 3 (*Ban hành theo Quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục Địa chính; BL 115-116*) ngày 21/12/1999 thì xã HL đứng tên các thửa đất:

- Thửa đất số 570 tờ bản đồ số 38 diện tích 11.100m²- đất Hg/b (*Đất bằng chưa sử dụng*)...

- Thửa đất số 594 tờ bản đồ số 38 diện tích 9.230m²- đất Hg/b.
- Thửa đất số 595 tờ bản đồ số 38 diện tích 2.181m²- đất Hg/b.
- Thửa đất số 708 tờ bản đồ số 38 diện tích 44.410m² – đất RTS (*đất trồng rừng, sản xuất*) tên chủ sử dụng là bà Dương Tuyết Nhiệm (không phải là UBND xã HL).

2/ Theo “Sổ mục kê đất đai”(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hướng dẫn lập, chỉnh lý, quản lý, hồ sơ địa chính, gọi tắt là: Thông tư 29/2004) Quyền số 004, tờ bản đồ số 44 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nghiệm thu và đưa vào sử dụng ngày 03/01/2007 (*Theo hướng dẫn tại điểm a, tiểu mục 5.3, khoản 5 Phần III Thông tư 29/2004*) thì thửa đất số 400, tờ bản đồ số 44 diện tích 92.846,9m²- đất HNK (*đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác*). Tên người sử dụng đất: Hộ ông... (không có tên chủ sử dụng), Loại đối tượng sử dụng “GDC” là Hộ gia đình, cá nhân. Như vậy, “Sổ mục kê đất đai” năm 2007 xã HL không có kê khai thửa đất 400 (BL 113, 114).

3/ Theo “Sổ mục kê đất đai”(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2004) Quyền số 003, tờ bản đồ số 44 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nghiệm thu và đưa vào sử dụng ngày 17/3/2008 thì xã HL đứng tên thửa đất số 400 diện tích 15.173m²- đất LUC (*đất chuyên trồng lúa nước*); Loại đối tượng sử dụng “GDC”.

Trong khi theo hướng dẫn tại điểm c tiểu mục 3.7 khoản 3 Phần I và hướng dẫn tại điểm c tiểu mục 2.5 khoản 2 Phần III Thông tư 29/2004 thì:

- Điểm c tiểu mục 3.7 khoản 3 Phần I Thông tư 29/2004 nêu: “*c) Mục đích sử dụng đất ghi trong sổ mục kê đất đai gồm mục đích sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt, mục đích sử dụng đất theo chỉ tiêu kiểm kê đất đai, mục đích sử dụng đất chi tiết theo yêu cầu của từng địa phương.*”

Mục đích sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp được ghi bằng mã quy định tại tiết a điểm này.

Mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt được ghi bằng mã quy định tại Thông tư số 30/2004/TT-BTNMT ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Mục đích sử dụng đất theo chỉ tiêu kiểm kê đất đai được ghi như sau:

Mục đích sử dụng thuộc nhóm đất nông nghiệp gồm:

+ “LUC” là đất chuyên trồng lúa nước;

(Nếu thửa đất đã có tên trong Sổ địa chính hoặc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải ghi là: “LUA” là đất trồng lúa – theo hướng dẫn tại Điểm c tiêu mục 3.7 khoản 3 Phần I Thông tư 29/2004).

- Điểm c tiêu mục 2.5 khoản 2 Phần III Thông tư 29/2004 nêu “c) Loại đối tượng sử dụng, quản lý đất được ghi bằng mã (ký hiệu) gồm: “GDC” là hộ gia đình, cá nhân, “UBS” là Ủy ban nhân dân cấp xã, “TKT” là tổ chức kinh tế trong nước, ...”.

Đối chiếu các hướng dẫn trên cho thấy việc “Sổ mục kê đất đai” năm 2008 xã HL ghi thửa đất số 400 diện tích 15.173m²- đất LUC; Loại đối tượng sử dụng “GDC” có nghĩa là: Thửa đất số 400 diện tích 15.173m² là “Đất chuyên trồng lúa nước” và Loại đối tượng sử dụng là “Hộ gia đình, cá nhân”. Đồng thời mục đích kê khai này của UBND xã HL là chỉ để thực hiện theo chỉ tiêu kiểm kê đất đai, chứ không phải là người trực tiếp quản lý, sử dụng từ trước năm 1975 đến nay như UBND xã HL đã trình bày.

Mặc khác, theo quy định tại điểm b tiêu mục 2.4 khoản 2 Phần III Thông tư số 29/2004 quy định: “*Trường hợp đã lập sổ mục kê đất đai theo bản đồ địa chính nhưng chưa thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì lập lại sổ mục kê đất đai theo quy định tại Thông tư này*”, Như vậy, “Sổ mục kê đất đai” năm 2008 theo UBND xã HL; UBND thành phố BR và UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho là xã HL kê khai đăng ký thửa đất 400 tờ bản đồ số 44 diện tích 92.846,9m² là không đúng, vì theo “Sổ mục kê đất đai” năm 2008 thì UBND xã HL chỉ kê khai đăng ký thửa đất số 400 tờ bản đồ số 44 diện tích chỉ có 15.173m²- đất LUC nhưng Loại đối tượng sử dụng lại là “GDC” Hộ gia đình, cá nhân chứ không phải là “UBS” UBND cấp xã. Và càng không phải là “Đất chuyên trồng lúa nước” như UBND xã HL kê khai mà đất của ông Kh bà M1 sử dụng là đất Gò Cát, vùng trũng, vào mùa mưa thì ngập nước mùa nắng thì khô hạn nên không thể là đất chuyên trồng lúa nước.

[1.3] Về giấy tờ đất, hồ sơ địa chính:

[1.3.1] Khoản 2 Điều 33 Luật đất đai năm 1993 quy định: 2- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập và quản lý sổ địa chính, đăng ký vào sổ địa chính đất chưa sử dụng và sự biến động về việc sử dụng đất; Khoản 1 Điều 103 Luật đất đai năm 2003 quy định: 1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính; Khoản 1 Điều 164 Luật đất đai năm 2013 quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính.

- Theo Công văn số 1568/BTNMT-ĐKTKĐĐ, ngày 25/4/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, về việc sử dụng Sổ địa ngoại và Sổ mục kê đất đai, Công

văn nêu: *Sổ mục kê đất không được coi là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật đất đai năm 2003.*

- Về giấy tờ khác về quyền sử dụng đất quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ quy định: Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 15/10/1993.

[1.3.2] Với các quy định của Luật đất đai và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai qua các thời kỳ như nêu trên, thì thửa đất số 400 tờ bản đồ số 44 xã HL kê khai đăng ký chỉ là “Sổ mục kê đất đai” nên UBND xã HL không phải là người đứng tên trong sổ địa chính và xã HL cũng chưa bao giờ trực tiếp sử dụng thửa đất số 400. Từ đó đủ cơ sở kết luận phần đất diện tích 2.925m² thuộc một phần thửa 400, tờ bản đồ số 44, ấp T, xã HL không phải là đất do UBND xã HL là chủ sử dụng như những người bị kiện trình bày.

[2] Tại Điều 2 Luật đất đai năm 1987 quy định:

Nhà nước khuyến khích đầu tư lao động, vật tư, tiền vốn và áp dụng các thành tựu khoa học – kỹ thuật vào việc:

- Thâm canh, tăng vụ, nâng cao hiệu quả kinh tế của việc sử dụng đất;
- Khai hoang, vỡ hóa, lấn biển, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối;
- Bảo vệ, cải tạo đất, làm tăng độ màu mỡ của đất.

Việc ông Kh bà M1 sử dụng đất khi đó đất còn hoang hóa: Mùa mưa nước ngập nên chỉ thả cá, nuôi vịt nên phải mất nhiều công sức khai hoang, phục hóa, cải tạo nhiều năm để tăng gia sản xuất là phù hợp với chính sách đất đai của Nhà nước tại thời điểm năm 1988 về khuyến khích khai hoang, phục hóa đất trống, đồi trọc. Thực tế chính quyền địa phương từ năm 1988 đến ngày lập Biên bản vi phạm hành chính 08/3/2016 không có bất kỳ hành vi hay Văn bản nào ngăn cản hoặc xử phạt ông Kh, bà M1 về việc sử dụng phần diện tích đất trên. Bởi, Biên bản về việc xử lý việc lấn chiếm đất công của xã HL lập ngày 23/3/2015 đối với ông bà Lê Thị M1 thì đây là Biên bản do xã HL lập không (BL46) nhằm hợp thức hóa hồ sơ, do: Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC của UBND xã HL ban hành ngày 11/3/2016 (BL49) nhưng Biên bản ngày 23/3/2015 lại ghi: Thực hiện Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC ngày 11/3/2016 của UBND xã HL (Biên bản lập trước ngày ban hành quyết định là không đúng quy định); còn Biên bản ngày 18/02/2016 ông Kh trình bày: Tôi chấp nhận đây là đất của Nhà nước, tôi không lấn chiếm. Tôi đã canh tác tại đây đã rất lâu nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng còn một số hộ khác thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tôi chấp nhận tháo dỡ và chặt toàn bộ cây trồng trên đất nếu tất cả các hộ canh tác trên phần đất công đều tháo dỡ. Trong biên bản

này ông Kh đòi hỏi sự công bằng chứ không phải thừa nhận tháo dỡ tài sản, chặt bỏ cây trồng một cách tự nguyện.

[3] Với những việ dẫn nêu tại mục [1], [2] Về nội dung như nêu trên, căn cứ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ thì hộ ông Kh, bà M1 đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho nên việc ngày 08/3/2016 xã HL phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, Đội trật tự đô thị thành phố BR lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trương Bình Kh, bà Lê Thị M1, về hành vi: Chiếm đất do Nhà nước trực tiếp quản lý. Là không đúng quy định. Từ việc lập biên bản vi phạm hành chính không đúng quy định nên việc ngày 21/8/2017 Chủ tịch UBND thành phố BR căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính ngày 08/3/2016 để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trương Bình Kh. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện gồm: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm; Buộc trả lại đất là không có căn cứ, do: Biên bản vi phạm hành chính lập không đúng quy định nên căn cứ để ban hành quyết định không đúng và tình trạng đất “trước khi vi phạm” là như thế nào UBND thành phố BR cũng không xác định được, đồng thời UBND xã HL không phải là chủ sử dụng đất nên không thể buộc ông Kh, bà M1 trả lại đất đã lấn chiếm. Vì thế, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát; chấp nhận kháng cáo của ông Trương Bình Kh, sửa án sơ thẩm hủy Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố BR. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trương Bình Kh.

[4] Do Quyết định ban đầu số 126/QĐ-KPHQ ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố BR bị hủy như nêu trên. Nên việc Chủ tịch UBND thành phố BR ban hành Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017. Cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả, đảm bảo thực hiện Quyết định số 126/QĐ-KPHQ cũng bị hủy; Và các Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố BR. Về việc giải quyết khiếu nại (Lần đầu) của ông Trương Bình Kh và bà Lê Thị M1, bác khiếu nại của ông Kh, bà M1 đối với Quyết định 186/QĐ-CCXP; Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Về việc giải quyết khiếu nại (Lần hai) của ông Trương Bình Kh, bác khiếu nại của ông Kh đối với Quyết định 186/QĐ-CCXP, công nhận Quyết định số 3016/QĐ-UBND là đúng, các quyết định này cũng đều bị hủy do quyết định trước là căn cứ để ban hành quyết định sau.

[5] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên tính lại án phí, cụ thể:

Chủ tịch UBND thành phố BR; Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu mỗi người bị kiện phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Trương Bình Kh không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241; Điều 348; khoản 2 Điều 349; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 173; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; Khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Căn cứ Điều 2 Luật đất đai năm 1987; Khoản 2 Điều 33 Luật đất đai năm 1993; Khoản 9 Điều 3, Khoản 1 Điều 99, Điều 101, Khoản 1 Điều 164 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 18, Khoản 5 Điều 20, Khoản 1, điểm a Khoản 2, Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ; Quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục Địa chính; Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; khoản 2 Điều 32, Khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Trương Bình Kh. Sửa bản án sơ thẩm số 34/2020/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Bình Kh, hủy các quyết định hành chính sau:

1.1. Quyết định số 126/QĐ-KPHQ ngày 21/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố BR. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

1.2. Quyết định số 186/QĐ-CCXP ngày 27/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố BR. Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

1.3. Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố BR. Về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Bình Kh và bà Lê Thị M1, cư ngụ tổ 9, ấp T, xã HL, thành phố BR (lần đầu).

1.4. Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Bình Kh, ngụ tại: Tổ 9, ấp T, xã HL, thành phố BR (lần hai).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trương Bình Kh yêu cầu hủy Quyết định số 69/QĐ-XPVPHC ngày 11/03/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL và Công văn số 77/UBND-VP ngày 30/03/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL, thành phố BR.

3. Án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố BR; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu mỗi người bị kiện phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Ông Trương Bình Kh không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSNDCC tại TPHCM.
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Các đương sự (5).
- Lưu HS (02) VP (5) 16b (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu